

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Số: 55 /TB-KTNN

THÔNG BÁO
Kết quả thi tuyển công chức Kiểm toán nhà nước năm 2018

- Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Căn cứ Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-KTNN ngày 19/02/2019 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước năm 2018;

- Căn cứ kết quả thi của các thí sinh;

Hội đồng tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước thông báo kết quả thi tuyển công chức năm 2018 (theo danh sách đính kèm).

Hội đồng tuyển dụng nhận đơn phúc khảo của các thí sinh từ ngày 28/3/2019 đến hết ngày 11/4/2019 (Thí sinh có đơn phúc khảo nộp tại Vụ Tổ chức cán bộ, Kiểm toán nhà nước số 116 Nguyễn Chánh, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội hoặc tại các Kiểm toán nhà nước khu vực nơi nộp hồ sơ đăng ký thi tuyển)./.

Nơi nhận:

- Tổng KTNN (để b/c);
- Phó Tổng KTNN Nguyễn Tuấn Anh (để b/c);
- Các thành viên HĐTD;
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Các đơn vị KTNN khu vực V, VIII, IX, XII, XIII;
- Lưu: VT, TCCB; HĐTD (03).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Hà Thị Mỹ Dung

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CÔNG CHỨC NĂM 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2019

KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC - VÒNG 1

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		SBD	Kết quả điểm			Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học		
1	Phạm Mạnh Cầm	01/01/1992		002	88	80	88	256	Đạt
2	Võ Văn Châu	8/10/1979		003	48	52	88	188	Không đạt
3	Lê Đông Cúc		20/07/1989	004	82	88	88	258	Đạt
4	Nguyễn Thị Ngọc Dung		04/05/1996	006	57	64	72	193	Đạt
5	Đặng Anh Dũng	08/09/1988		007	65	60	84	209	Đạt
6	Lê Công Thiện Dũng	30/01/1996		008	72	72	80	224	Đạt
7	Nguyễn Văn Cẩm Giang	13/02/1990		009	65	48	72	185	Không đạt
8	Trần Thị Mỹ Giang		11/04/1987	010	78	68	56	202	Đạt
9	Lại Đặng Việt Hà		06/01/1993	011	48	72	88	208	Không đạt
10	Phạm Thị Ngọc Hân		07/01/1993	012	62	64	88	214	Đạt
11	Bùi Thúy Hằng		22/03/1985	013	68	48	72	188	Không đạt
12	Đậu Thị Thu Hằng		05/12/1984	014	72	64	76	212	Đạt
13	Đàm Hoa Hòa Hường		24/09/1987	018	48	52	52	152	Không đạt
14	Nguyễn Thị Bé Huyền		02/09/1990	019	53	56	76	185	Đạt
15	Nguyễn Hà Anh Kiệt	24/03/1996		020	68	76	84	228	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		SBD	Kết quả điểm			Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Tin học		
16	Phạm Nhật Minh	27/10/1996		021	55	60	88	203	Đạt
17	Trần Thị Mơ		14/06/1989	022	68	48	68	184	Không đạt
18	Đào Thị Hồng Nga		24/05/1996	023	58	72	76	206	Đạt
19	Phạm Thị Kim Ngân		18/5/1990	024	70	84	72	226	Đạt
20	Trần Phương Nghi		16/6/1996	026	68	72	72	212	Đạt
21	Trần Trọng Nghĩa	13/08/1991		027	62	84	100	246	Đạt
22	Nguyễn Hoàng Duy Ngọc	01/10/1992		028	65	72	72	209	Đạt
23	Nguyễn Thái Nguyên	22/12/1993		029	63	68	60	191	Đạt
24	Lê Thị Minh Nguyệt		22/9/1975	032	75	48	76	199	Không đạt
25	Bùi Mỹ Nhật		19/07/1996	033	72	88	88	248	Đạt
26	Lương Nguyễn Yến Nhi		22/12/1992	034	62	80	68	210	Đạt
27	Hàn Thanh Phương	08/12/1988		036	72	48	68	188	Không đạt
28	Nguyễn Vũ Thanh Phương	22/02/1995		037	70	84	96	250	Đạt
29	Trần Thị Minh Phương		10/12/1989	038	70	56	80	206	Đạt
30	Nguyễn Minh Quang	19/02/1995		039	48	72	88	208	Không đạt
31	Nguyễn Hữu Thắng	27/08/1995		041	93	M	96	189	Đạt
32	Đỗ Thị Hoài Thanh		14/09/1995	042	55	40	56	151	Không đạt
33	Nguyễn Hương Thanh		14/5/1996	043	80	84	88	252	Đạt
34	Trịnh Vũ Chung Thành	26/11/1994		044	75	72	92	239	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		SBD	Kết quả điểm			Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Tin học		
35	Võ Thị Kiều Thu		31/10/1996	046	75	60	92	227	Đạt
36	Nguyễn Minh Thùy		28/11/1989	048	55	M	72	127	Đạt
37	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		14/12/1995	049	60	40	60	160	Không đạt
38	Trần Thị Kiều Trang		25/06/1989	051	68	76	84	228	Đạt
39	Võ Thị Thùy Trang		12/09/1995	052	72	84	84	240	Đạt
40	Phan Thị Thanh Trúc		3/8/1993	053	62	84	72	218	Đạt
41	Nguyễn Trí Tuệ	14/08/1990		054	72	80	84	236	Đạt
42	Hà Thanh Tùng	07/01/1991		055	53	48	80	181	Không đạt
43	Hoàng Thị Cẩm Vân		01/06/1992	056	80	52	72	204	Đạt
44	Phùng Thanh Vy		09/05/1995	057	73	84	72	229	Đạt
45	Lê Trí Bình	23/7/1983		058	72	72	72	216	Đạt
46	Trần Minh Đức	15/5/1979		059	58	48	68	174	Không đạt
47	Nguyễn Trường Giang	23/04/1987		060	50	48	80	178	Không đạt
48	Nguyễn Khánh Hoàng	27/12/1995		061	75	76	76	227	Đạt
49	Nguyễn Quốc Huy	16/3/1995		062	77	72	88	237	Đạt
50	Phan Văn Lào	1983		063	55	36	56	147	Không đạt
51	Vũ Xuân Mạnh	25/04/1983		064	85	M	88	173	Đạt
52	Nguyễn Duy Anh Minh	12/8/1993		065	65	80	84	229	Đạt

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		SBD	Kết quả điểm			Tổng điểm	Ghi chú
		Nam	Nữ		Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Tin học		
53	Nguyễn Quang Nam	04/08/1985		066	62	60	76	198	Đạt
54	Bùi Thanh Nhiên	01/01/1991		067	62	32	72	166	Không đạt
55	Nguyễn Trường Phi	01/04/1985		068	48	56	64	168	Không đạt
56	Phan Anh Phong	01/6/1983		069	63	72	76	211	Đạt
57	Nguyễn Thanh Tâm	18/4/1991		070	65	60	76	201	Đạt
58	Nguyễn Quốc Tín	29/12/1995		072	35	32	52	119	Không đạt
59	Nguyễn Minh Toàn	07/03/1994		073	67	60	68	195	Đạt
60	Nguyễn Huỳnh Trục	12/04/1993		074	70	68	80	218	Đạt
61	Võ Minh Trung	20/12/1990		075	75	56	80	211	Đạt
62	Trần Phú Khánh	09/09/1989		076	70	56	M	126	Đạt



KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Hà Thị Mỹ Dung